

BỘ TÀI CHÍNH
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH



QUY TẮC XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ BỘ CHỈ SỐ HOSE-Index

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 11 /2013/QĐ-SGDHCM ngày 25 tháng 11 năm 2013,
Quyết định số 64/QĐ-SGDHCM ngày 05 tháng 03 năm 2014, Quyết định số 203/ QĐ-
SGDHCM ngày 4 tháng 6 năm 2015 của Tổng Giám đốc Sở GDCK TP.HCM và Quyết
định số 565/QĐ-SGDHCM ngày 15/12/2015)*

Phiên bản 1.3

TP. Hồ Chí Minh
Tháng 12-2015

MỤC LỤC

1.	GIỚI THIỆU CHUNG.....	4
2.	QUẢN LÝ CHỈ SỐ.....	5
3.	PHƯƠNG PHÁP SÀNG LỌC BỘ CHỈ SỐ.....	7
4.	XÁC LẬP RÕ CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU VÀ XEM XÉT ĐỊNH KỲ CỔ PHIẾU THÀNH PHẦN.....	9
5.	PHƯƠNG PHÁP TÍNH TOÁN CHỈ SỐ GIÁ.....	12
5A.	CHỈ SỐ TỔNG THU NHẬP.....	14
6.	GIỚI HẠN TỶ TRỌNG VỐN HÓA CỦA CỔ PHIẾU THÀNH PHẦN.....	15
7.	CÁC ĐIỀU CHỈNH ĐỐI VỚI CỔ PHIẾU THÀNH PHẦN CỦA CHỈ SỐ.....	17
8.	ĐIỀU CHỈNH HỆ SỐ CHIA.....	20
9.	CHUẨN PHÂN NGÀNH GICS.....	22
10.	CHÍNH SÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	23
11.	THÔNG TIN LIÊN HỆ.....	24

TÓM TẮT ĐẶC ĐIỂM BỘ CHỈ SỐ HOSE-Index

Tên chỉ số		VN30	VNMidcap	VNSmallcap	VN100	VNAllshare	VNAllshare Sector Indices
Loại chỉ số		Chỉ số giá / Chỉ số tổng thu nhập					Chỉ số giá
Đặc điểm chung		Gồm những công ty niêm yết trên HOSE, đáp ứng tư cách tham gia vào Bộ chỉ số và các điều kiện sàng lọc.					
Quản lý duy trì chỉ số		- Hội đồng chỉ số đóng vai trò là cơ quan giám sát chỉ số. - HOSE thực hiện việc xây dựng các quy tắc chỉ số và quản lý chỉ số hàng ngày.					
Phương pháp tính		Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh tỷ lệ free-float.					
Số lượng cổ phiếu thành phần		30	70	Không cố định	100	Không cố định	Không cố định
Tiêu chí chọn lọc		Giá trị vốn hóa, tỷ lệ free-float, thanh khoản.					
Tiêu chí phân ngành							Chuẩn phân ngành GICS®
Thanh khoản		Tỷ suất quay vòng chứng khoán $\geq 0,05\%$					
Tỷ lệ free-float		- $f > 10\%$, trừ trường hợp cổ phiếu có giá trị vốn hóa thuộc top-10					
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa		10%					Không giới hạn
Xem xét định kỳ		- 6 tháng/lần (tháng 7 và tháng giêng hàng năm). - Các thay đổi có hiệu lực áp dụng vào thứ 2 lần thứ tư của tháng bảy và tháng giêng .					
Tần suất tính toán		Chỉ số giá: Theo thời gian thực (01 phút/ lần) Chỉ số tổng thu nhập: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)					
Ngày cơ sở	Chỉ số giá	02/01/2009	24/01/2014				Tùy thuộc vào từng chỉ số ngành
	Chỉ số tổng thu nhập	24/07/2015					
Giá trị chỉ số cơ sở	Chỉ số giá	313,34	560,19				
	Chỉ số tổng thu nhập	Bằng giá trị chỉ số giá gốc tại ngày 24/7/2015					

1. GIỚI THIỆU CHUNG

1.1. Quy tắc xây dựng và quản lý Bộ chỉ số HOSE-Index (sau đây gọi tắt là “Quy tắc chỉ số”) nêu ra các quy tắc để làm cơ sở cho việc xây dựng và quản lý các chỉ số thuộc Bộ chỉ số HOSE-Index của Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE). Quy tắc chỉ số này thay thế “Quy tắc xây dựng và quản lý chỉ số VN30” ban hành kèm theo quyết định 04/2012/QĐ-SGDHCM ngày 5/1/2012.

1.2. Các chỉ số thuộc Bộ chỉ số HOSE-index được tính toán theo hai phương pháp là chỉ số giá và chỉ số tổng thu nhập. Các chỉ số giá thể hiện biến động giá cổ phiếu của các công ty niêm yết trên HOSE đáp ứng tư cách tham gia vào Bộ chỉ số và các điều kiện sàng lọc, nhằm cung cấp cho nhà đầu tư thông tin đầy đủ và toàn diện về thị trường. Các chỉ số Tổng thu nhập thể hiện biến động giá và giá trị cổ tức của các cổ phiếu thành phần được tái đầu tư vào chỉ số.

1.3. Bộ chỉ số HOSE-index bao gồm:

1.3.1. Chỉ số VN30

Là chỉ số của các công ty có giá trị vốn hóa lớn, gồm 30 công ty có giá trị vốn hóa và thanh khoản hàng đầu niêm yết trên HOSE đáp ứng tư cách tham gia vào chỉ số và các điều kiện sàng lọc theo qui định.

1.3.2. Chỉ số VNMidcap

Là chỉ số của các công ty niêm yết trên HOSE, gồm 70 công ty có giá trị vốn hóa trung bình sau VN30, đáp ứng tư cách tham gia vào chỉ số và các điều kiện sàng lọc theo qui định.

1.3.3. Chỉ số VN100

Chỉ số này bao gồm cổ phiếu thành phần của VN30 và VNMidcap.

1.3.4. Chỉ số VNSmallcap

Là chỉ số của các công ty niêm yết trên HOSE có giá trị vốn hóa nhỏ, đáp ứng tư cách tham gia vào chỉ số, các điều kiện sàng lọc theo qui định và không thuộc VN100.

1.3.5. Chỉ số VNAllShare

Chỉ số này bao gồm cổ phiếu thành phần của VN100 và VNSmallcap

1.3.6. Các chỉ số ngành VNAllshare Sector Indices

Các chỉ số ngành bao gồm cổ phiếu thành phần của chỉ số VNAllShare được phân thành các ngành theo định nghĩa của chuẩn phân ngành Global Industry Classification Standard (GICS®)

* Chuẩn phân ngành Global Industry Classification Standard (GICS®) được phát triển và là tài sản độc quyền của MSCI Inc. và Standard & Poor's. GICS® là thương hiệu của MSCI và S&P và cấp quyền cho HOSE sử dụng.

2. QUẢN LÝ CHỈ SỐ

2.1. Hội đồng chỉ số

Hội đồng chỉ số là một nhóm các chuyên gia độc lập do HOSE quyết định thành lập, có trách nhiệm thông qua việc xem xét định kỳ và bất thường đối với các chỉ số do HOSE thực hiện ; giám sát việc quản lý, vận hành và duy trì Bộ chỉ số tuân theo Quy tắc chỉ số do HOSE ban hành.

Thành phần của Hội đồng chỉ số, phạm vi trách nhiệm, nguyên tắc tổ chức và hoạt động, giải quyết mâu thuẫn lợi ích và bảo mật sẽ được quy định cụ thể tại “Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng chỉ số”.

2.2. Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE)

HOSE là cơ quan xây dựng Quy tắc chỉ số và thực hiện việc quản lý chỉ số hàng ngày.

2.3. Các trường hợp không bao hàm trong Quy tắc chỉ số

Trong trường hợp phát sinh các sự kiện chưa được đề cập trong Quy tắc chỉ số, HOSE, theo quan điểm của mình, có thể sử dụng các biện pháp điều chỉnh phù hợp nhằm đảm bảo lợi ích cao nhất cho nhà đầu tư và thị trường.

HOSE sẽ thông báo đến Hội đồng chỉ số nếu HOSE quyết định bất kỳ một trường hợp nào chưa được đề cập cụ thể trong Quy tắc chỉ số để tham vấn ý kiến của Hội đồng chỉ số.

Nếu một trường hợp ngoại lệ nào đó được chấp nhận thì điều này không tạo ra tiền lệ cho các quyết định sau này của HOSE.

2.4. Sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ Quy tắc chỉ số

Quy tắc chỉ số có thể được bổ sung, sửa đổi hoặc hủy bỏ toàn bộ hoặc một phần tại bất kỳ thời điểm nào. Việc sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ các quy tắc có thể dẫn đến những thay đổi trong việc xây dựng và quản lý Bộ chỉ số hoặc ảnh hưởng trực tiếp đến các chỉ số.

HOSE chuyển đến Hội đồng chỉ số các phương án liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ Quy tắc chỉ số trong phạm vi trách nhiệm của Hội đồng để tham vấn ý kiến.

Việc sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ Quy tắc chỉ số được thực hiện khi có 2/3 thành viên Hội đồng chỉ số thông qua.

2.5. Trách nhiệm pháp lý

Căn cứ vào mục đích của Quy tắc chỉ số và khả năng sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ Quy tắc chỉ số theo từng thời điểm, HOSE và Hội đồng chỉ số (hay bất kỳ cá nhân nào liên quan đến công tác chuẩn bị hay công bố Quy tắc chỉ số) không chịu trách nhiệm pháp lý về bất kỳ những thua lỗ, mất mát, khiếu kiện, tổn thất hay chi phí phát sinh của bất kỳ cá nhân, tổ chức nào do :

- (i) Tin vào Quy tắc chỉ số hoặc dữ liệu của các cổ phiếu thành phần trong rô chỉ số, và/hoặc ;
- (ii) Những sai sót hoặc không chính xác trong Quy tắc chỉ số, và/hoặc ;

- (iii) Việc không áp dụng hoặc áp dụng sai những chính sách và quy trình được mô tả trong Quy tắc chỉ số, và/hoặc;
- (iv) Những sai sót hoặc không chính xác trong việc biên soạn, tính toán chỉ số hoặc dữ liệu của các cổ phiếu thành phần trong rổ chỉ số.

HOSE sẽ tiến hành mọi biện pháp trong khả năng quyền hạn của mình để đảm bảo tính chính xác của Quy tắc chỉ số và các dữ liệu thành phần của chỉ số cũng như việc tính toán, công bố và điều chỉnh các chỉ số theo quy tắc phù hợp.

2.6. Quyền sở hữu trí tuệ

Quyền sở hữu trí tuệ đối với Quy tắc chỉ số và các chỉ số trong Bộ chỉ số HOSE-Index bao gồm tên, thành phần và việc tính toán chỉ số thuộc về HOSE. Việc sao chép hay in ấn một phần hay toàn bộ Quy tắc chỉ số mà không được phép của HOSE theo quy định của pháp luật đều bị coi là vi phạm bản quyền và bị ngăn cấm.

2.7. Chính sách sửa lỗi

Với mục tiêu duy trì Bộ chỉ số có tiêu chuẩn cao nhất về độ chính xác, toàn vẹn, tin cậy về nguồn dữ liệu và tuân theo thông lệ tốt nhất trong quy trình thống kê và vận hành, các sai sót về dữ liệu trong quá trình tính toán sẽ được điều chỉnh và người sử dụng chỉ số sẽ được thông báo kịp thời. Tuy nhiên, các sai sót nhỏ phát sinh không ảnh hưởng lớn đến tính chính xác của chỉ số sẽ được điều chỉnh mà không thông báo.

2.8. Tính toán lại chỉ số

Chỉ số sẽ được tính toán lại khi có sai sót đáng kể. Người sử dụng chỉ số sẽ được thông báo trong thời gian sớm nhất.

3. PHƯƠNG PHÁP SÀNG LỌC BỘ CHỈ SỐ

Tất cả các cổ phiếu phổ thông đang niêm yết trên HOSE đáp ứng các quy định về tư cách tham gia vào chỉ số và các điều kiện sàng lọc free-float, thanh khoản sẽ được đưa vào Bộ chỉ số HOSE-Index.

3.1. Tư cách tham gia vào chỉ số

Cổ phiếu đủ tư cách tham gia vào bộ chỉ số khi KHÔNG thuộc một trong các diện sau đây:

- Cổ phiếu thuộc diện bị cảnh báo do vi phạm công bố thông tin, diện bị kiểm soát, kiểm soát đặc biệt, bị tạm ngưng giao dịch (*ngoại trừ tạm ngưng giao dịch do thực hiện việc tách/gộp cổ phiếu hoặc chia tách/sáp nhập*) trong vòng 03 tháng tính đến thời điểm xem xét.
- Cổ phiếu có thời gian niêm yết trên HOSE dưới 06 tháng tính đến thời điểm xem xét. Đối với cổ phiếu có giá trị vốn hóa hàng ngày bình quân thuộc top-5 thì thời gian niêm yết dưới 03 tháng.

3.2. Tỷ lệ free-float

3.2.1. Công thức tỷ lệ free-float

Tỷ lệ free-float là tỷ lệ khối lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng so với khối lượng cổ phiếu đang lưu hành trên thị trường.

Tỷ lệ free-float (f) được tính theo công thức sau :

$$f = \frac{\text{Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành} - \text{Khối lượng cổ phiếu không tự do chuyển nhượng}}{\text{Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

3.2.2. Các trường hợp cổ phiếu không tự do chuyển nhượng :

Bao gồm :

- Cổ phiếu của các đối tượng còn trong thời gian hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật như : (1) cổ đông sáng lập, (2) phát hành riêng lẻ dưới 100 nhà đầu tư, (3) phát hành cổ phiếu ưu đãi cho cán bộ công nhân viên ; (4) cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng của doanh nghiệp FDI khi chuyển sang công ty cổ phần; (5) các trường hợp hạn chế chuyển nhượng khác theo quy định.
- Cổ phiếu thuộc sở hữu của cổ đông nội bộ và người có liên quan;
- Cổ phiếu thuộc sở hữu của cổ đông chiến lược;
- Cổ phiếu thuộc sở hữu của cổ đông nhà nước;
- Cổ phiếu thuộc sở hữu của cổ đông lớn, ngoại trừ công ty quản lý quỹ, công ty chứng khoán, công ty bảo hiểm nhân thọ, công ty bảo hiểm (trừ khi việc đầu tư nhằm mục đích chiến lược), Quỹ tương hỗ, Quỹ đầu tư, các doanh nghiệp đầu tư mang tính chất tự

doanh, ETFs. Sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn vẫn bị hạn chế chuyển nhượng cho đến khi tỷ lệ nắm giữ giảm dưới 4%.

- Sở hữu chéo trực tiếp giữa các công ty thuộc chỉ số.

3.2.3. Điều kiện sàng lọc về tỷ lệ free-float

Cổ phiếu được tham gia vào chỉ số khi f (chưa làm tròn) của cổ phiếu lớn hơn 10%. Cụ thể :

- f (chưa làm tròn) $< 5\%$: loại.
- $5\% \leq f$ (chưa làm tròn) $\leq 10\%$: Loại, nếu cổ phiếu không thuộc top -10 về giá trị vốn hoá của tập hợp sau bước 3.1

3.2.4. Làm tròn tỷ lệ free-float khi tính toán chỉ số

Tỷ lệ free-float sẽ được làm tròn theo các khoảng giới hạn như sau :

Tỷ lệ free-float	< 5%	=5%	≤ 10%	≤ 15%	≤ 20%	≤ 25%	≤ 30%	≤ 35 %	≤ 40%	≤ 45%	≤ 50%
Làm tròn	Loại	5%	10%	15%	20%	25%	30%	35%	40%	45%	50%

Tỷ lệ free-float	≤ 55%	≤ 60 %	≤ 65%	≤ 70%	≤ 75%	≤ 80%	≤ 85 %	≤ 90%	≤ 95%	≤ 100%
Làm tròn	55%	60%	65%	70%	75%	80%	85%	90%	95%	100%

3.2.5. Xem xét tỷ lệ free-float

Tỷ lệ free-float của các cổ phiếu thành phần trong rổ chỉ số sẽ được xem xét điều chỉnh toàn bộ theo định kỳ 06 tháng/ lần vào cùng thời điểm xem xét định kỳ chỉ số. Tỷ lệ free-float của cổ phiếu thành phần cũng có thể được cập nhật ngay trong kỳ khi cổ phiếu có sự kiện doanh nghiệp hoặc các thông tin khác dẫn đến tỷ lệ free-float thay đổi từ 5% điểm trở lên.

Khi điều chỉnh tỷ lệ free-float, hệ số chia (BMV) cũng sẽ được điều chỉnh để đảm bảo tính liên tục của chỉ số (*Tham khảo mục 8 - Quy tắc điều chỉnh hệ số chia*)

3.3. Thanh khoản

Cổ phiếu tham gia vào bộ chỉ số HOSE-Index sẽ được sàng lọc thanh khoản bằng cách tính toán tỷ suất quay vòng chứng khoán (turnover ratio)

$$\text{Turnover ratio} = \frac{\text{Giá trị giao dịch hàng ngày bình quân trong kỳ xem xét (*)}}{\text{Giá trị vốn hóa hàng ngày bình quân sau điều chỉnh free float trong kỳ}}$$

- Cổ phiếu không thuộc thành phần của chỉ số kỳ trước có tỷ suất quay vòng nhỏ hơn 0,05% sẽ bị loại.
- Cổ phiếu thuộc thành phần của chỉ số kỳ trước có tỷ suất quay vòng nhỏ hơn 0,04% sẽ bị loại.

(*) Giá trị giao dịch hàng ngày bình quân bao gồm cả giao dịch khớp lệnh và thỏa thuận

4. XÁC LẬP RỔ CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU VÀ XEM XÉT ĐỊNH KỲ CỔ PHIẾU THÀNH PHẦN

4.1. Việc xác lập rổ cổ phiếu lần đầu tiên được thực hiện tương tự như các bước xem xét định kỳ dưới đây nhưng không xét đến thao tác ưu tiên cổ phiếu thuộc thành phần của rổ chỉ số kỳ trước.

4.2. Ngày xem xét

Cổ phiếu thành phần của các chỉ số sẽ được xem xét lại 6 tháng /lần vào tháng Một và tháng Bảy hàng năm. Dữ liệu dùng trong kỳ xem xét được lấy sau khi đóng cửa phiên giao dịch cuối cùng của tháng 6 và tháng 12.

4.3. Phương pháp chọn cổ phiếu vào rổ chỉ số tại kỳ xem xét

4.3.1. Tập hợp các cổ phiếu đáp ứng các quy tắc nêu tại mục 3.1, 3.2 và 3.3 (sau đây gọi tắt là "Tập hợp") sẽ được sắp xếp theo thứ tự giảm dần về giá trị vốn hoá hàng ngày bình quân trong 6 tháng chưa điều chỉnh free float.

4.3.1.1. Chỉ số VN30

a. Chọn Top-50 cổ phiếu trong Tập hợp và loại những cổ phiếu thuộc diện bị cảnh báo khác (nếu có). Cổ phiếu bị loại bỏ sẽ được thay thế bằng cổ phiếu kế tiếp trong Tập hợp sao cho đủ 50 cổ phiếu.

b. Sắp xếp các cổ phiếu sau bước 4.3.1.1 a) theo thứ tự giảm dần về giá trị giao dịch hàng ngày bình quân (*bao gồm giá trị giao dịch khớp lệnh và thỏa thuận*) trong 6 tháng tính đến thời điểm xem xét :

✓ Cổ phiếu đứng ở vị trí thứ 20 trở lên đương nhiên có mặt trong chỉ số;

✓ Cổ phiếu đứng ở vị trí thứ 41 trở xuống đương nhiên bị loại khỏi chỉ số;

✓ Cổ phiếu đứng ở vị trí 21 đến 40: ưu tiên cổ phiếu đã có trong danh mục cổ phiếu thành phần của rổ VN30 kỳ trước sau đó mới xét đến cổ phiếu mới sao cho số lượng cổ phiếu trong rổ bằng 30 cổ phiếu. Trong trường hợp có nhiều hơn 1 cổ phiếu thuộc rổ kỳ trước có cùng vị trí, ưu tiên chọn cổ phiếu có giá trị vốn hóa bình quân cao hơn của kỳ xem xét.

c. 05 cổ phiếu tiếp theo sau 30 cổ phiếu đã chọn tại bước 4.3.1.1 b) được đưa vào danh mục cổ phiếu dự phòng, sử dụng để thay thế trong trường hợp một hay nhiều cổ phiếu thành phần của VN30 bị loại bỏ khỏi rổ chỉ số vào giữa kỳ xem xét. (*Tham khảo mục 7 - Các điều chỉnh đối với cổ phiếu thành phần của chỉ số*)

4.3.1.2. Chỉ số VNMidcap

- a. Các cổ phiếu còn lại sau khi loại 30 cổ phiếu thành phần của rổ VN30 được xếp theo thứ tự giảm dần về giá trị vốn hoá hàng ngày bình quân chưa điều chỉnh free float :
- ✓ Cổ phiếu đứng ở vị trí thứ 40 trở lên đương nhiên có mặt trong chỉ số ;
 - ✓ Cổ phiếu đứng ở vị trí thứ 81 trở xuống đương nhiên bị loại khỏi chỉ số ;
 - ✓ Cổ phiếu đứng ở vị trí 41 đến 80 : ưu tiên cổ phiếu đã có trong danh mục cổ phiếu thành phần của rổ VNMidcap kỳ trước, sau đó mới xét đến cổ phiếu mới sao cho số lượng cổ phiếu trong rổ bằng 70 cổ phiếu. Trong trường hợp có nhiều hơn 1 cổ phiếu thuộc rổ kỳ trước có cùng vị trí, ưu tiên chọn cổ phiếu có giá trị giao dịch bình quân cao hơn của kỳ xem xét.
- b. 10 cổ phiếu tiếp theo sau 70 cổ phiếu đã chọn tại bước 4.3.1.2 a) được đưa vào danh mục cổ phiếu dự phòng, sử dụng để thay thế trong trường hợp có một hay nhiều cổ phiếu thành phần của VNMidcap bị loại bỏ khỏi rổ chỉ số vào giữa kỳ xem xét. (*Tham khảo mục 7 - Các điều chỉnh đối với cổ phiếu thành phần của chỉ số*)

4.3.1.3. Chỉ số VN100

Gồm 100 cổ phiếu là các cổ phiếu thành phần của chỉ số VN30 và VNMidcap

4.3.1.4. Chỉ số VNSmallcap

Gồm các cổ phiếu còn lại của Tập hợp sau khi loại trừ các cổ phiếu thành phần của chỉ số VN100.

4.3.1.5. Chỉ số VNAllShare

Gồm các cổ phiếu là cổ phiếu thành phần của chỉ số VN100 và VNSmallcap.

4.3.1.6. Các chỉ số ngành

Gồm các cổ phiếu là cổ phiếu thành phần của chỉ số VNAllshare có cùng nhóm ngành được phân theo chuẩn phân ngành GICS®

4.3.2. Cổ phiếu thành phần của các chỉ số VN30, VNMidcap, VNSmallcap không đồng thời trùng nhau.

4.3.3. Số lượng cổ phiếu thành phần

- Chỉ số VN30, VNMidcap, VN100 : cố định
- Chỉ số VNSmallcap, VNAllshare: không cố định
- Các chỉ số ngành : không cố định

5. PHƯƠNG PHÁP TÍNH TOÁN CHỈ SỐ GIÁ

5.1. Bộ chỉ số HOSE-index được tính toán dựa trên phương pháp giá trị vốn hóa thị trường có điều chỉnh tỷ lệ free-float

5.2. Công thức tính chỉ số

$$\text{Chỉ số} = \frac{\text{Giá trị vốn hóa thị trường hiện tại (CMV)}}{\text{Giá trị vốn hóa thị trường cơ sở (BMV)}}$$

Trong đó:

* **CMV** (Current market value) :

$$CMV = \sum_{i=1}^n (p_i \times s_i \times f_i \times c_i)$$

- $i = 1, 2, 3 \dots n$
- n : số cổ phiếu trong rổ chỉ số.
- p_i : giá của cổ phiếu i trong rổ chỉ số tại thời điểm tính toán.
- s_i : khối lượng đang lưu hành của cổ phiếu i trong rổ chỉ số tại thời điểm tính toán.
- f_i : tỷ lệ free-float của cổ phiếu i trong rổ chỉ số tại thời điểm tính toán.
- c_i : hệ số giới hạn tỷ trọng vốn hóa của cổ phiếu i trong rổ chỉ số tại thời điểm tính toán. (*Tham khảo mục 6 – Giới hạn tỷ trọng vốn hóa của cổ phiếu thành phần*)

* **BMV (Base market value)** : hay còn gọi là hệ số chia. Trong trường hợp tăng /giảm CMV do những nguyên nhân khác với biến động giá trên thị trường, BMV sẽ được điều chỉnh nhằm đảm bảo tính liên tục của chỉ số.

5.3. Giá để tính toán chỉ số

5.3.1. Đối với chỉ số trong ngày, giá để tính toán chỉ số là giá khớp gần nhất của các cổ phiếu trong rổ tính đến thời điểm chỉ số được tính. Trường hợp không có giá khớp lệnh thì sẽ lấy giá đóng cửa gần nhất của cổ phiếu đó hoặc giá đóng cửa điều chỉnh đối với cổ phiếu có xảy ra sự kiện doanh nghiệp (không bao gồm sự kiện chia cổ tức bằng tiền mặt)

5.3.2. Đối với chỉ số cuối ngày, giá để tính toán chỉ số là giá đóng cửa trong ngày giao dịch của các cổ phiếu trong rổ. Trường hợp trong ngày giao dịch, cổ phiếu không có khớp lệnh thì sẽ lấy giá đóng cửa gần nhất của cổ phiếu đó hoặc giá đóng cửa điều chỉnh đối với cổ phiếu có xảy ra sự kiện doanh nghiệp (không bao gồm sự kiện chia cổ tức bằng tiền mặt).

5.4. Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành

- 5.4.1. Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành là khối lượng cổ phiếu do nhà đầu tư nắm giữ bao gồm cổ phiếu không tự do chuyển nhượng và cổ phiếu tự do chuyển nhượng. Cổ phiếu do công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) không được xem là cổ phiếu đang lưu hành.
 - 5.4.2. Thay đổi khối lượng cổ phiếu đang lưu hành do phát sinh từ sự kiện doanh nghiệp của các cổ phiếu thành phần sẽ được cập nhật và áp dụng đồng thời với sự kiện doanh nghiệp trừ trường hợp nêu tại mục 5.4.3
 - 5.4.3. Nhằm tránh điều chỉnh BMV nhiều lần đối với những thay đổi không quan trọng, các trường hợp thay đổi khối lượng cổ phiếu đang lưu hành do thay đổi cổ phiếu quỹ hoặc do điều chỉnh khi khối lượng niêm yết bổ sung khác với khối lượng phát hành chỉ được cập nhật khi thay đổi từ 5% (hoặc tích lũy từ 5%) trở lên so với khối lượng đang tính toán trong chỉ số của cổ phiếu đó.
 - 5.4.4. Những thay đổi dưới 5% tại mục 5.4.3 sẽ được cập nhật cùng với thời điểm xem xét định kỳ rô chỉ số.
 - 5.4.5. Khi điều chỉnh khối lượng cổ phiếu đang lưu hành, BMV cũng sẽ được điều chỉnh để đảm bảo tính liên tục của chỉ số (*Tham khảo mục 8- Điều chỉnh hệ số chia*)
- 5.5. Tần suất tính toán chỉ số
- Các chỉ số giá thuộc Bộ chỉ số HOSE-Index được tính toán theo thời gian thực (01 phút/lần) vào tất cả các ngày HOSE mở cửa giao dịch

5A. CHỈ SỐ TỔNG THU NHẬP

a. Công thức tính chỉ số

$$TRI_t = TRI_{t-1} \times (1 + PriceReturn_t + DividendYield_t)$$

Trong đó:

* TRI_t = chỉ số tổng thu nhập tại ngày t

* TRI_{t-1} = chỉ số tổng thu nhập tại ngày t-1

* $PriceReturn_t = (IA_t - IA_{t-1}) / IA_{t-1}$: tăng trưởng chỉ số giá tại ngày t so với ngày t-1

- IA_t = chỉ số A tại ngày t

- IA_{t-1} = chỉ số A tại ngày t-1

* $DividendYield_t = IndexDividend_t / IA_{t-1}$: Lợi suất cổ tức

* $IndexDividend_t$ được tính trên tổng cổ tức bằng tiền của các cổ phiếu có mặt trong rổ chỉ số giá A tại ngày t

$$IndexDividend_t = \left(\frac{\sum_{i=1}^{i=n} DPS_i * s_i * f_i * c_i}{BMV_t} \right) * 100$$

- DPS_i = cổ tức bằng tiền trên một cổ phiếu của cổ phiếu i thuộc chỉ số vào ngày t

- s_i = khối lượng lưu hành tính chỉ số của cổ phiếu i tại ngày t-1

- f_i = tỷ lệ free float của cổ phiếu i tại ngày t

- c_i = tỷ trọng của cổ phiếu i tại ngày t

- BMV_t = giá trị vốn hóa cơ sở sau khi điều chỉnh sự kiện doanh nghiệp (nếu có) hay hệ số chia của chỉ số giá A vào ngày t

b. Chỉ số tổng thu nhập được tính toán căn cứ trên chỉ số gốc là các chỉ số giá trong bộ chỉ số HOSE-Index

c. Việc tính toán chỉ số tổng thu nhập được thực hiện với giả thiết cổ tức bằng tiền mặt đã sẵn sàng vào ngày giao dịch không hưởng quyền và được tái đầu tư lại rổ chỉ số vào đầu ngày giao dịch không hưởng quyền.

d. Cổ tức tái đầu tư vào chỉ số là cổ tức gộp (chưa trừ thuế)

e. Các trường hợp điều chỉnh do có sự kiện doanh nghiệp đối với chỉ số tổng thu nhập sẽ được điều chỉnh và phản ánh trong chỉ số giá tương ứng.

f. Chỉ số tổng thu nhập sẽ được tính toán một lần và công bố vào thời điểm cuối ngày giao dịch khi thị trường đóng cửa.

6. GIỚI HẠN TỶ TRỌNG VỐN HÓA CỦA CỔ PHIẾU THÀNH PHẦN

- 6.1. Để tránh tình trạng một hay một vài cổ phiếu trong chỉ số chiếm tỷ trọng vốn hóa quá lớn, tỷ trọng vốn hóa của các cổ phiếu thành phần trong rổ chỉ số sẽ được giới hạn ở một ngưỡng xác định.
- 6.2. Ngưỡng giới hạn tỷ trọng vốn hóa áp dụng cho các cổ phiếu thành phần thuộc Bộ chỉ số HOSE Index là 10% đối với các chỉ số VN30, VNMidcap, VNSmallcap, VN100, VNAllshare và không giới hạn đối với chỉ số ngành.
- 6.3. Quy trình tính toán giới hạn tỷ trọng vốn hóa sử dụng giá đóng cửa (hoặc giá đóng cửa điều chỉnh nếu cổ phiếu có sự kiện doanh nghiệp) của phiên giao dịch cuối cùng trước thứ hai lần thứ ba của tháng Một và tháng Bảy, dựa trên danh mục cổ phiếu thành phần, khối lượng lưu hành, tỷ lệ free-float của rổ chỉ số kỳ mới.
- 6.4. Nếu việc điều chỉnh làm cho tỷ trọng vốn hóa của một cổ phiếu nào khác trong rổ chỉ số tăng lên và vượt quá ngưỡng 10% thì quy trình tính toán sẽ tiếp tục được thực hiện cho đến khi tất cả cổ phiếu trong rổ đều có tỷ trọng vốn hóa không vượt quá 10%.
- 6.5. Công thức tính giới hạn tỷ trọng vốn hóa :

$$c_i = \frac{Z}{I * (p_i * s_i * f_i)} \sum_{j=1}^J (p_j * s_j * f_j)$$

Trong đó :

- i : Cổ phiếu bị giới hạn tỷ trọng vốn hóa
 - j : cổ phiếu không bị giới hạn tỷ trọng vốn hóa
 - J : tập hợp các cổ phiếu không bị giới hạn tỷ trọng vốn hóa
 - p : giá đóng cửa của cổ phiếu
 - s : khối lượng cổ phiếu đang lưu hành
 - f : tỷ lệ free-float của cổ phiếu
 - I : tổng tỷ trọng vốn hoá của các cổ phiếu không bị giới hạn tỷ trọng
 - Z : ngưỡng giới hạn tỷ trọng vốn hóa (10%)
 - c_i : hệ số giới hạn tỷ trọng vốn hóa của cổ phiếu (%), nhằm đảm bảo tỷ trọng vốn hóa của cổ phiếu không vượt quá ngưỡng giới hạn xác định.
- 6.6. Thay đổi giới hạn tỷ trọng vốn hoá
 - 6.6.1. Việc xem xét và điều chỉnh giới hạn tỷ trọng vốn hoá sẽ được thực hiện định kỳ 06 tháng/ lần vào cùng thời điểm xem xét định kỳ chỉ số hoặc được tính lại khi có thay đổi về cổ phiếu thành phần của rổ chỉ số trong kỳ. Khi điều chỉnh giới hạn tỷ trọng vốn hóa, BMV cũng sẽ được điều chỉnh để đảm bảo tính liên tục của chỉ số (*Tham khảo mục 8 - Điều chỉnh hệ số chia*)

- 6.6.2. Trường hợp có thay đổi cổ phiếu thành phần của rô chỉ số kết hợp với thay đổi tỷ lệ free-float và sự kiện doanh nghiệp, giới hạn tỷ trọng vốn hoá sẽ được tính toán lại ở bước cuối cùng sau khi đã cập nhật xong sự kiện doanh nghiệp và tỷ lệ free-float.

7. CÁC ĐIỀU CHỈNH ĐỐI VỚI CỔ PHIẾU THÀNH PHẦN CỦA CHỈ SỐ

STT	Nội dung điều chỉnh	Thời gian điều chỉnh	
		Định kỳ (6 tháng / lần)	Điều chỉnh trong kỳ
7.1	Loại bỏ và thay thế cổ phiếu	Cổ phiếu trong rổ bị loại bỏ/ thay thế khi không đáp ứng các điều kiện quy định ở mục 3 và 4 của Quy tắc chỉ số tại kỳ xem xét.	<ul style="list-style-type: none"> - Cổ phiếu bị rơi vào diện bị kiểm soát, kiểm soát đặc biệt, bị tạm ngưng giao dịch (<i>ngoại trừ tạm ngưng giao dịch do thực hiện việc tách/gộp cổ phiếu hoặc chia tách/sáp nhập</i>), bị hủy niêm yết sẽ bị loại bỏ khỏi danh mục cổ phiếu thành phần của chỉ số. - Cổ phiếu bị loại bỏ thuộc chỉ số VN30/ VNMidcap sẽ được thay thế bởi cổ phiếu có thứ tự xếp hạng cao nhất trong danh sách cổ phiếu dự phòng của VN30/ VNMidcap. - Cổ phiếu bị loại bỏ thuộc chỉ số VNSmallcap không được thay thế. - Chỗ khuyết trong rổ VNMidcap do sử dụng cổ phiếu dự phòng của VN30 sẽ tiếp tục được thay thế bởi cổ phiếu dự phòng của VNMidcap. - Các thay đổi đối với VN30, VNMidcap, VNSmallcap sẽ tự động tác động đến VN100, VNAllshare, các chỉ số ngành - Cổ phiếu bị loại bỏ khỏi VN30, VNMidcap hoặc VNSmallcap sẽ đương nhiên bị loại bỏ khỏi bộ chỉ số HOSE-Index cho đến kỳ xem xét kế tiếp nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại mục 3 Quy tắc chỉ số.
7.2	Sáp nhập và mua lại	<i>* Sáp nhập giữa các công ty là thành phần của chỉ số</i>	
			<ul style="list-style-type: none"> - Công ty mới hình thành vẫn là cổ phiếu thành phần của chỉ số, sẽ được điều chỉnh một số thông tin liên quan (khối lượng lưu hành, free-float, capping). Công ty bị sáp nhập sẽ bị hủy niêm yết. - Đối với VN30, VNMidcap :

			<p>chỗ khuyết trong chỉ số sẽ được thay thế ngay bởi cổ phiếu có thứ tự xếp hạng cao nhất trong danh sách cổ phiếu dự phòng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với VNSmallcap : chỗ khuyết trong chỉ số không được thay thế - Các thay đổi đối với VN30, VNMidcap, VNSmallcap sẽ tự động tác động đến VN100, VNAllshare và các chỉ số ngành.
		<p><i>* Công ty thuộc chỉ số bị mua lại bởi công ty khác không thuộc chỉ số :</i></p>	
			<ul style="list-style-type: none"> - Công ty gốc ban đầu trong chỉ số sẽ bị loại bỏ khỏi chỉ số. - Công ty mới được hình thành sẽ tham gia vào chỉ số nếu đáp ứng các tiêu chí chọn vào rổ (tại mục 3 - Quy tắc chỉ số). Nếu không đáp ứng, chỗ khuyết trong rổ chỉ số sẽ được thay thế bởi cổ phiếu có thứ tự xếp hạng cao nhất trong danh sách cổ phiếu dự phòng, (ngoại trừ VNSmallcap)
7.3	<p>Chia tách công ty</p> <p>Công ty bị chia tách để hình thành hai hay nhiều công ty mới (công ty mới tiếp tục đáp ứng điều kiện niêm yết trên HOSE)</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Công ty hình thành sau khi chia tách được tham gia vào các chỉ số trong Bộ chỉ số HOSE-Index khi có giá trị vốn hóa chưa điều chỉnh free-float (<i>riêng đối với VN30 xét thêm giá trị về thanh khoản</i>) lớn hơn so với giá trị của cổ phiếu có thứ hạng thấp nhất trong rổ chỉ số. <p><u>Ví dụ</u> : Cổ phiếu thành phần của VN30 bị chia tách thành hai công ty.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu 2 công ty mới hình thành đều đủ điều kiện tham gia vào rổ VN30 thì cổ phiếu có thứ hạng nhỏ nhất trong rổ VN30 sẽ trở thành cổ phiếu thành phần của VNMidcap và cổ phiếu có thứ hạng nhỏ nhất của VNMidcap sẽ trở thành cổ phiếu thành phần của VNSmallcap. - Công ty mới hình thành không đủ điều kiện tham gia vào rổ VN30 sẽ được xem xét để đưa vào rổ VNMidcap. Nếu không đủ

			<p>điều kiện tham gia vào VNMidcap, cổ phiếu sẽ tiếp tục được xem xét để đưa vào rổ VNSmallcap.</p> <p>- Trường hợp các công ty mới hình thành đều không đáp ứng điều kiện được duy trì trong rổ thì chỗ khuyết trong rổ sẽ được thay thế bởi cổ phiếu có thứ tự xếp hạng cao nhất trong danh sách cổ phiếu dự phòng.</p>
--	--	--	---

8. ĐIỀU CHỈNH HỆ SỐ CHIA

Trong trường hợp có sự tăng hoặc giảm giá trị vốn hóa thị trường mà nguyên nhân không phải do sự biến động giá thị trường mà là do các sự kiện doanh nghiệp hoặc các thay đổi về số lượng cổ phiếu thành phần, số chia cần phải được điều chỉnh để đảm bảo tính liên tục của chỉ số. Nguyên tắc điều chỉnh số chia là làm cho chỉ số trước và sau khi có biến động là bằng nhau.

Chỉ số sau điều chỉnh = Chỉ số trước điều chỉnh

$$\frac{CMV_n}{BMV_n} = \frac{CMV_0}{BMV_0}$$

$$BMV_n = \frac{CMV_n}{CMV_0} \times BMV_0$$

Trong đó :

- BMV_0 = Giá trị vốn hóa cơ sở trước khi điều chỉnh
- CMV_0 = Giá trị vốn hóa hiện hành trước khi điều chỉnh
- BMV_n = Giá trị vốn hóa cơ sở sau khi điều chỉnh
- CMV_n = Giá trị vốn hóa hiện hành sau điều chỉnh.

Dưới đây là bảng tóm tắt các sự kiện cần phải điều chỉnh số chia :

STT	Sự kiện	Thời điểm điều chỉnh BMV
1	CHIA CỔ TỨC BẰNG TIỀN MẶT	
1.1	Cổ tức bằng tiền mặt dưới 10% thị giá	Không điều chỉnh BMV
1.2	Cổ tức bằng tiền mặt có giá trị từ 10% thị giá trở lên	Cuối ngày trước ngày giao dịch không hưởng quyền (T-1)
2	TĂNG VỐN	
2.1	Phát hành quyền cho cổ đông hiện hữu với giá quyền $\neq 0$ với điều kiện giá phát hành nhỏ hơn giá đóng cửa.	Cuối ngày trước ngày giao dịch không hưởng quyền (T-1)
2.2	Phát hành quyền cho cổ đông hiện hữu với giá quyền = 0: - Phát hành cổ phiếu thưởng - Trả cổ tức bằng cổ phiếu	BMV không thay đổi
3	TĂNG / GIẢM VỐN KHÁC	

3.1	- Phát hành riêng lẻ (PP) cho đối tác chiến lược / nhân viên công ty; - Phát hành ra công chúng (PO)	Cuối ngày trước ngày niêm yết cổ phiếu mới (T-1)
3.2	Tăng vốn do sáp nhập/mua lại;	Cuối ngày trước ngày niêm yết mới (T-1)
3.3	- Chuyển đổi cổ phiếu ưu đãi; - Chuyển đổi trái phiếu;	- Cuối ngày trước ngày niêm yết cổ phiếu mới (T-1)
3.4	Cty bán cổ phiếu quỹ.	- Sau khi nhận báo cáo kết quả mua bán của công ty
4	GIẢM VỐN	
4.1	- Giảm vốn do điều chỉnh khối lượng cp niêm yết sau khi tổ chức niêm yết hoàn tất đợt phát hành cho cổ đông hiện hữu;	- Cuối ngày trước ngày giao dịch đầu tiên khi giảm vốn
4.2	Công ty mua cổ phiếu quỹ	- Sau khi nhận báo cáo kết quả mua bán của công ty
5	TÁCH/ GỘP MỆNH GIÁ CỔ PHIẾU	BMV không thay đổi
6	THAY ĐỔI TỶ LỆ FREE-FLOAT, TỶ LỆ GIỚI HẠN VỐN HÓA, KHỐI LƯỢNG LƯU HÀNH	Điều chỉnh BMV sau khi có thay đổi
7	LOẠI BỎ/ THAY THẾ CỔ PHIẾU KHỎI RỎ CHỈ SỐ	- Điều chỉnh BMV cuối ngày trước ngày áp dụng chính thức việc hiệu lực loại bỏ/ thay thế cổ phiếu.
8	XEM XÉT ĐỊNH KỲ RỎ CHỈ SỐ	Cuối ngày trước ngày rỏ mới có hiệu lực

Lưu ý:

- Các sự kiện khác có thể phát sinh trong tương lai sẽ được điều chỉnh theo thực tiễn.

9. CHUẨN PHÂN NGÀNH GLOBAL INDUSTRY CLASSIFICATION STANDARD (GICS®)

- 9.1. GICS® (Global Industry Classification Standard) là chuẩn phân ngành dành cho thị trường chứng khoán do S&P kết hợp với MSCI thực hiện. Thông tin về chuẩn phân ngành GICS® được MSCI và S&P chịu trách nhiệm quản lý và công bố.
- 9.2. Các cổ phiếu niêm yết trên HOSE sẽ được MSCI và S&P thực hiện phân ngành theo chuẩn phân ngành GICS® và thông tin phân ngành các công ty niêm yết được cập nhật tại trang chủ của HOSE : www.hsx.vn.
- 9.3. Việc xem xét và cập nhật phân ngành cho các cổ phiếu thành phần sẽ được thực hiện định kỳ 06 tháng/lần vào cùng thời điểm xem xét định kỳ chỉ số.

10. CHÍNH SÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Các thay đổi về chỉ số bao gồm thành phần của chỉ số hay các quy tắc chỉ số sẽ được công bố trên website của HOSE (www.hsx.vn). Thời điểm công bố các thay đổi được áp dụng như sau :

STT	Nội dung công bố	Thời gian công bố
A	Thay đổi tại kỳ xem xét	
1	Thay đổi tại kỳ xem xét chỉ số (về danh mục cổ phiếu thành phần của chỉ số, tỷ lệ free-float, khối lượng lưu hành, giới hạn tỷ trọng vốn hóa)	Ít nhất 05 ngày làm việc trước ngày áp dụng chính thức vào ngày giao dịch ngày thứ hai lần thứ tư của tháng Một và tháng Bảy.
B	Thay đổi không theo định kỳ	
1	Loại bỏ / thay thế cổ phiếu trong rổ (cổ phiếu bị loại bỏ/ thay thế, khối lượng lưu hành, giới hạn tỷ trọng vốn hóa)	Ít nhất 05 ngày làm việc trước ngày áp dụng chính thức vào rổ chỉ số.
2	Các trường hợp thay đổi giới hạn tỷ trọng vốn hóa khác (không thuộc mục B.1 bảng này)	Ít nhất 05 ngày làm việc trước ngày áp dụng chính thức vào rổ chỉ số
3	Thay đổi khối lượng đang lưu hành và tỷ lệ freefloat vượt quá 5%	Ít nhất 01 ngày làm việc trước ngày áp dụng chính thức vào rổ chỉ số
4	Sự kiện doanh nghiệp	Phương pháp xử lý các sự kiện doanh nghiệp được công bố theo quy định hiện hành của HOSE.
5	Chính sách quản lý chỉ số	Ít nhất 02 tháng trước ngày chính thức hiệu lực. Tuy nhiên, thời gian trên có thể linh động nếu các thay đổi không mâu thuẫn với quyền lợi của các bên liên quan.
C	Các công bố khác Các thông báo đề cập tại mục 2.7 và 2.8 hoặc các công bố khác	Công bố trong thời gian sớm nhất.

11. THÔNG TIN LIÊN HỆ

Để biết thêm thông tin hoặc các phản hồi về Bộ Chỉ số xin truy cập trang chủ www.hsx.vn hoặc :

- Phòng Nghiên cứu và phát triển – SGDCK TPHCM về phương pháp xây dựng và tính toán chỉ số.
- Phòng Thông tin thị trường – SGDCK TPHCM về dịch vụ cung cấp thông tin